

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2021

#### 1. NGÀNH TUYỂN SINH VÀ MÔN THI TUYỂN

STT	Ngành	Mã ngành	Môn thi (90 phút)	Điều kiện trúng tuyển
1	Luật kinh tế	8380107	- Lý luận Nhà nước và Pháp luật - Luật thương mại	• Tham dự đủ các môn thi; Điểm mỗi môn thi không dưới 5.0. Xếp từ tổng điểm cao xuống thấp (02 môn) và lấy theo đúng chỉ tiêu. • Kinh tế học là kiến thức tổng hợp của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô.
2	Quản trị kinh doanh	8340101	- Kinh tế học - Quản trị học	
			- Tiếng Anh ( <i>môn thi điều kiện</i> )	- Đạt điểm tối thiểu 50/100

#### 2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN SINH:

Công dân Việt Nam đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp đại học các ngành có cùng mã **nhóm ngành** (theo thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017), được đăng ký dự thi không phải học bổ sung kiến thức.
- Đã tốt nghiệp đại học các **ngành, nhóm ngành khác** phải hoàn thành chứng chỉ bổ sung kiến thức tương đương trình độ đại học (*phụ lục danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ sung kiến thức đính kèm thông báo này*) căn cứ vào phiếu ghi điểm tốt nghiệp đại học.
- Trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở nước ngoài cấp, thí sinh phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành và xác định ngành tốt nghiệp theo điểm a, b mục này.
- Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành theo thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 thì Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xét duyệt từng hồ sơ cụ thể.

#### 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP:

- Chương trình có tổng cộng **60 tín chỉ** (đã bao gồm luận văn tốt nghiệp), tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng thời gian đào tạo và thực hiện luận văn tốt nghiệp là 4 học kỳ chính (02 năm).
- Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng khi: Hội đủ điều kiện bảo vệ luận văn; Điểm luận văn đạt; Hoàn thành các thủ tục và nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

#### 4. MÔN THI, HÌNH THỨC THI, THỜI GIAN THI TUYỂN SINH:

STT	Môn thi	Hình thức	Thời gian	Ôn tập	Tài liệu ôn tập
1	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	Tự luận	90 phút. Thi vào ngày chủ nhật của tuần	- 04 buổi	Kiến thức tổng hợp của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô.
2	Luật thương mại			- 03 buổi	
3	Kinh tế học			- 04 buổi	
4	Quản trị học			- 03 buổi	

5	Tiếng Anh	Trắc nghiệm		- 03 buổi	- Đạt điểm tối thiểu 50/100
---	-----------	-------------	--	-----------	-----------------------------

- Tổ chức ôn tập vào tối thứ 6, ngày thứ 7 & CN của tuần.
- Trường cung cấp đề cương, tài liệu ôn tập và các hướng dẫn chi tiết khác.
- Thí sinh tốt nghiệp đại học khác với ngành dự tuyển cần đăng ký sớm để tổ chức các lớp bổ sung kiến thức chuyển đổi và cấp chứng nhận hoàn thành mới được đăng ký dự thi tuyển sinh.

## 5. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch; Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh;
- Có chứng chỉ **tiếng Anh** tương đương trở lên:

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

## 6. HỒ SƠ, LỆ PHÍ VÀ HỌC PHÍ:

### 5.1. Hồ sơ tuyển sinh và học tập:

Thí sinh tải file và tự in từ website: [www.nctu.edu.vn](http://www.nctu.edu.vn). Không hoàn trả hồ sơ đã nộp.

#### Thực hiện theo mẫu hồ sơ:

- Phiếu đăng ký dự thi và phiếu dán ảnh.
- Sơ yếu lý lịch bản chính.

#### Bản photo có chứng thực sao y:

- Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân;
- Bằng tốt nghiệp đại học và bảng ghi điểm quá trình học đại học;
- Bảng ghi điểm bổ sung kiến thức (nếu có);
- Giấy xác nhận tương đương văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ. (nếu có)

### 5.2. Lệ phí hồ sơ, ôn tập, dự thi và học bổ sung kiến thức:

- Lệ phí tiếp nhận, xét duyệt điều kiện dự thi: 100.000 (một trăm ngàn) VNĐ/bộ hồ sơ
- Ôn tập và dự thi : 900.000 (chín trăm ngàn) VNĐ/bộ hồ sơ.
- Học bổ sung kiến thức: 700.000 (bảy trăm ngàn) VNĐ/học phần (tương đương 2 tín chỉ).

### 5.3. Học phí

- Giảm 20% học phí cho học viên học cao học có người thân (Anh/Chị em ruột, Vợ/Chồng, Cha mẹ/Con cái) đang cùng học tại Trường Đại học Nam Cần Thơ, tính theo từng học kỳ.
  - Giảm 10% học phí cho học viên là cựu sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ.
  - Giảm 05% học phí cho học viên là cựu sinh viên Trường Đại học Tây Đô.
- Học viên được hưởng 1 mức ưu đãi cao nhất nếu thuộc nhiều đối tượng ưu đãi.

## 7. THỜI GIAN DỰ KIẾN:

- Tiếp nhận hồ sơ đến: Chủ nhật, ngày 15/03/2021
- Học bổ sung kiến thức ngành từ: Chủ nhật, ngày 28/02/2021
- Ôn tập và thi dự kiến vào tháng 4/2021 (có thông báo cụ thể sau).

**Ghi chú:** Thông tin thay đổi cập nhật tại [www.nctu.edu.vn](http://www.nctu.edu.vn) và gửi email đến thí sinh.

## 8. ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI:

Khoa Đào tạo thường xuyên – Phòng C2.11 – Khối nhà hiệu bộ

Trường Đại học Nam Cần Thơ, số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ. Điện thoại: (02923)79.88.79

Email: daotaothuongxuyen@nctu.edu.vn - Website: [www.nctu.edu.vn](http://www.nctu.edu.vn)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT: báo cáo
- HĐT, BGH: chỉ đạo.
- Website Trường: thông tin.
- Các đơn vị thuộc Trường: T/hiện
- Lưu: TC-HC, ĐTTX



*Nguyễn Văn Quang*



Cần Thơ, ngày 04 tháng 02 năm 2021

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN  
VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC**

(ban hành kèm theo thông báo số: 14 /TBTS-ĐHNCT, ngày 04/02/2021)

**a. Ngành Quản trị kinh doanh**

Mã khối ngành, nhóm ngành, ngành	Tên khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung	Ghi chú	
734	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		Khối ngành	
73401	<b>Kinh doanh</b>		Nhóm ngành	
7340101	<b>Quản trị kinh doanh</b>		<b>Ngành</b>	
7340115	Marketing	Nhóm ngành đúng		
7340116	Bất động sản			
7340120	Kinh doanh quốc tế			
7340121	Kinh doanh thương mại			
7340122	Thương mại điện tử			
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may			
73402	<b>Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm</b>			
7340201	Tài chính – Ngân hàng			
7340204	Bảo hiểm			
73403	<b>Kế toán – Kiểm toán</b>			
7340301	Kế toán			
7340302	Kiểm toán			
73404	<b>Quản trị - Quản lý</b>	Quản trị học; Nguyên lý marketing;	Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét môn phải học bổ sung kiến thức. Mỗi học phần BSKT tương đương 2 tín chỉ.	
7340401	Khoa học quản lý			
7340403	Quản lý công			
7340404	Quản trị nhân lực			
7340405	Hệ thống thông tin quản lý			
7340406	Quản trị văn phòng			
7340408	Quan hệ lao động			
7340409	Quản lý dự án			
73490	<b>Khác</b>			
781	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>			
78101	<b>Du lịch</b>			
7810101	Du lịch	Quản trị học; Nguyên lý marketing; Nguyên lý kế toán; Lý thuyết TC tiền tệ		
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành			
78102	<b>Khách sạn, nhà hàng</b>			
7810201	Quản trị khách sạn			
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống			
78103	<b>Thể dục, thể thao</b>			
7810301	Quản lý thể dục thể thao			
78105	<b>Kinh tế gia đình</b>			
7810501	Kinh tế gia đình			

78190	Khác		
	Tất cả các khối ngành, nhóm ngành và ngành khác	Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô; Quản trị học; Nguyên lý marketing; Nguyên lý kế toán; Lý thuyết TC tiền tệ.	

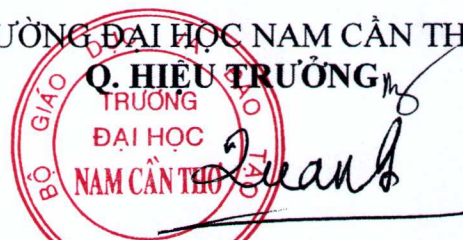
**b. Luật kinh tế**

Mã khối ngành, nhóm ngành, ngành	Tên khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung	Ghi chú
738	<b>Pháp luật</b>		
73801	<b>Luật</b>		
7380101	Luật		
7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính		
7380103	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	Nhóm ngành đúng	
7380104	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		
7380107	<b>Luật kinh tế</b>		
7380108	Luật quốc tế		
73890	<b>Khác</b>		
734	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		
73401	<b>Kinh doanh</b>		
7340101	Quản trị kinh doanh		
7340115	Marketing		
7340116	Bất động sản		
7340120	Kinh doanh quốc tế		
7340121	Kinh doanh thương mại		
7340122	Thương mại điện tử		
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may		
73402	<b>Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm</b>		
7340201	Tài chính – Ngân hàng	Lý luận NN và Pháp luật Luật dân sự Tư pháp quốc tế Pháp luật thương mại QT	Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét môn phải học bổ sung kiến thức. Mỗi học phần BSKT tương đương 2 tín chỉ.
7340204	Bảo hiểm		
73403	<b>Kế toán – Kiểm toán</b>		
7340301	Kế toán		
7340302	Kiểm toán		
73404	<b>Quản trị – Quản lý</b>		
7340401	Khoa học quản lý		
7340403	Quản lý công		
7340404	Quản trị nhân lực		
7340405	Hệ thống thông tin quản lý		
7340406	Quản trị văn phòng		
7340408	Quan hệ lao động		
7340409	Quản lý dự án		
73490	<b>Khác</b>		
781	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	Lý luận NN và Pháp luật Luật dân sự	Căn cứ bảng điểm



<b>78101</b>	<b>Du lịch</b>	Tư pháp quốc tế Luật doanh nghiệp Pháp luật thương mại QT	trình độ đại học để xét môn phải học bổ sung kiến thức. Mỗi học phần BSKT tương đương 2 tín chỉ.
7810101	Du lịch		
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
<b>78102</b>	<b>Khách sạn, nhà hàng</b>		
7810201	Quản trị khách sạn		
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống		
<b>78103</b>	<b>Thể dục, thể thao</b>		
7810301	Quản lý thể dục thể thao		
<b>78105</b>	<b>Kinh tế gia đình</b>		
7810501	Kinh tế gia đình		
<b>78190</b>	<b>Khác</b>		
<b>784</b>	<b>Dịch vụ vận tải</b>		
<b>78401</b>	<b>Khai thác vận tải</b>		
7840101	Khai thác vận tải		
7840102	Quản lý hoạt động bay		
7840104	Kinh tế vận tải		
7840106	Khoa học hàng hải		
<b>78490</b>	<b>Khác</b>		
<b>785</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		
<b>78501</b>	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>		
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		
7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		
7850103	Quản lý đất đai		
<b>78502</b>	<b>Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp</b>		
7850201	Bảo hộ lao động		
<b>78590</b>	<b>Khác</b>		
	<b>Tất cả các khối ngành, nhóm ngành và ngành khác</b>	Lý luận NN và Pháp luật Luật dân sự Tư pháp quốc tế Luật doanh nghiệp Pháp luật kinh doanh QT Pháp luật thương mại QT	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ



TS NGUYỄN VĂN QUANG